VIDS
VIỆN THỰC PHẨM CHỨC NĂNG
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
Lô RD8-01, Khu Nghiên cứu và triển khai
Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Tân Xã, huyện Thạch Thất, Hà Nội
*Tel: 024 37932595 * Website: vids.vn * Email: ttkn@vids.vn*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VILAS 448

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 25XG0210

Mẫu thử nghiệm: **THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE TRÀNG PHỤC LINH**

Nơi sản xuất: Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế - Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh 2

Số lô/ SKS: **010125** *Ngày sản xuất:* 07/01/2025 *Hạn sử dụng:* 07/01/2028

Số ĐK/CNTC: 3401/2019/ĐKSP

Người và nơi gửi mẫu: Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế

Địa chỉ : Số 9 Lô A, Tổ 100 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Yêu cầu thử nghiệm : (Theo phiếu yêu cầu)

Ngày tháng năm nhận mẫu: 07/01/2025 *Số đăng ký thử nghiệm:* **25G0079**

Người nhận mẫu: Dương Thị Hằng

Tình trạng mẫu khi nhận và khi mở niêm phong để thử nghiệm: Nguyên hộp .

Tên chỉ tiêu	Mức yêu cầu	Kết quả	Đơn vị	Phương pháp
1.*Cảm quan		Viên nang cứng vỏ trắng, bột bên trong màu nâu.		
2.Xác định sự có mặt (Định tính)				
+ *Immunegamma®	Dương tính	Có mặt Aspartic acid, Glutamic acid, Alanin, Lysin sau thuỷ phân.	-	KN/QTPTNL/I.1
+ *Bạch truật	Dương tính	Thể hiện phép thử định tính của Bạch truật	-	KN/QTPTTM/B.3
+ *Bạch phục linh	Dương tính	Thể hiện phép thử định tính của Bạch phục linh	-	KN/QTPTTM/B.6
3.Khối lượng trung bình viên (tính cả vỏ nang)	640 ± 7,5%	641,5	mg/viên	KN/QTKT/6.4
4.Giới hạn kim loại nặng				
+ Pb	≤ 3,0	0,48	mg/kg (ppm)	TCVN 10912 : 2015

** Chỉ tiêu không trong danh mục phép thử được công nhận ISO 17025*

*** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ thử nghiệm*

Kết quả trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu đem thử

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của lãnh đạo TTKN

Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu theo quy định.

Tên chỉ tiêu	Mức yêu cầu	Kết quả	Đơn vị	Phương pháp
+ Cd	≤ 1,0	< LOQ (LOQ: 0,03)	mg/kg (ppm)	TCVN 10912 : 2015
+ Hg	≤ 0,1	< LOQ (LOQ: 0,04)	mg/kg (ppm)	TCVN 10912 : 2015
5.Tổng số vi sinh vật hiếu khí	≤ 10^4	< 4,0 x 10^1	CFU/g	TCVN 4884-2 :2015
6.Tổng số nấm men, nấm mốc	≤ 100	< 1,0 x 10^1	CFU/g	TCVN 8275-2 : 2010
7.Escherichia coli (E.coli)	Không phát hiện/g	Không phát hiện	-	TCVN 6846 : 2007
8.Staphylococcus aureus (S.aureus)	≤ 3	0	MPN/g	TCVN 7927: 2008
9.Salmonella spp.	Không phát hiện/25g	Không phát hiện	-	TCVN 10780-1: 2017
10.Coliforms	≤ 10	< 1,0 x 10^1	CFU/g	TCVN 6848 : 2007
11.Clostridium perfringens	≤ 10	< 1,0 x 10^1	CFU/g	TCVN 4991 : 2005
12.Bacillus cereus (B.cereus)	≤ 10	< 1,0 x 10^1	CFU/g	TCVN 4992 : 2005

Ghi chú: LOQ - Giới hạn định lượng;
Mức yêu cầu các chỉ tiêu kiểm tra theo tiêu chuẩn công bố số 3401/2019/ĐKSP.

Hà Nội, Ngày 22 Tháng 01 Năm 2025

TUQ. LÃNH ĐẠO VIỆN

VIỆN THỰC PHẨM CHỨC NĂNG

KT. GIÁM ĐỐC. TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM

ThS. Nguyễn Việt Hà

** Chỉ tiêu không trong danh mục phép thử được công nhận ISO 17025*

*** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ thử nghiệm*

Kết quả trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu đem thử

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của lãnh đạo TTKN

Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu theo quy định.